

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 31-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Dương Văn Phước.

- Ông Phạm Thanh Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sà Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị L (tên gọi khác: Bé N), sinh năm 1981 tại xã Vĩnh L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp A, xã Vĩnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C; Chồng: Phạm Hoàng T và 02 con, lớn sinh năm 2008 và nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/02/2018 (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn Út C, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Vĩnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Văn U – Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1972 (Có mặt);

2/ Bà Trương Thị M, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Vĩnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

2/ Bà Huỳnh Thị Gia M, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

3/ Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1967 (Có mặt);

4/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt);

5/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: Cùng ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

6/ Ông Hồ Chí T, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

7/ Ông Trương Văn C, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã Vĩnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

8/ Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Nhà D, xã Châu H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc cự cãi trong lúc cùng làm công nhân sản xuất gạch giữa vợ chồng bị cáo Lê Thị L và ông Phạm Hoàng T với vợ chồng bị hại Nguyễn Văn Út C và bà Trương Thị M. Vào khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 04/11/2017 tại Lò gạch Vĩnh Thạnh Phát, ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, do bị hại đánh trúng vào môi, nên bị cáo L dùng tay phải cầm viên gạch thẻ (kích thước 18cm x 08cm x 04cm) đánh vào vùng mặt bị hại Út C một cái làm viên gạch vỡ đôi, bị hại và ông T tiếp tục giằng co với nhau, sau khi được mọi người can ngăn thì nghỉ, khi thấy mặt bị hại chảy máu những người làm chung đưa bị hại đến Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Trị điều trị đến ngày 09/11/2017 thì xuất viện. Sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo L điện thoại cho Công an xã Thạnh T trình báo sự việc.

Tang vật thu giữ trong vụ án gồm: 02 (hai) mảnh vỡ viên gạch thẻ màu đỏ nâu lần lượt có kích thước (9,5cm x 08cm x 04cm) và (09cm x 08cm x 04cm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 219/TgT-PY ngày

11/12/2017 của Trung Tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng xác định: Người bị hại Nguyễn Văn Út C bị thương tích sẹo vùng trán trái, kích thước 02cm x 0,2cm; sẹo ngang sống mũi kích thước 02cm x 0,2cm, các sẹo gây ảnh hưởng thẩm mỹ vùng mặt. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế hiện tại là: 13% (Mười ba phần trăm). Tổn thương do vật có cạnh sắc gây nên, không gây ảnh hưởng chức năng, tổn thương gây ảnh hưởng thẩm mỹ vùng mặt.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 15/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Thị L trình bày: Bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại C là do một mình bị cáo gây ra, thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại số tiền 9.889.212 đồng, bị cáo đã nộp khắc phục tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, đối với số tiền tổn thất tinh thần bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Bị hại ông Nguyễn Văn Út C trình bày: Vào khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 04/11/2017, khi làm chung tại Lò gạch Vĩnh Thạnh Phát, giữa vợ chồng bị hại với vợ chồng bị cáo có cự cãi nhau dẫn đến xô xát, bị cáo L đã dùng tay phải cầm cục gạch thẻ đánh vào vùng mặt và gây thương tích tại trán và sống mũi của bị hại, phải nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Thạnh Trị 06 ngày, từ ngày 04/11/2017 đến ngày 09/11/2017 thì xuất viện, tổng chi phí điều trị, tiền xe, ăn uống, thu nhập bị mất và dự trù tái khám số tiền 9.889.212 đồng. Nay yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định pháp luật, yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe số tiền 9.889.212 đồng và tiền tổn thất về tinh thần 15.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng T trình bày: Do có cự cãi với nhau nên ông và ông C đánh nhau bằng tay, bị cáo L vào can thì bị ông C đánh trúng môi bị cáo, nên bị cáo L dùng viên gạch thẻ đánh vào vùng mặt của ông C 01 cái gây thương tích.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017

của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Lê Thị L mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại thiệt hại sức khỏe số tiền 9.889.212 đồng, bồi thường tiền tổn thất tinh thần từ 07 đến 09 tháng lương cơ sở.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 02 (hai) mảnh vỡ viên gạch thẻ màu đỏ nâu lần lượt có kích thước (9,5cm x 08cm x 04cm) và (09cm x 08cm x 04cm).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đồng ý luận tội của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt; về bồi thường dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo bồi thường cho bị hại tiền thiệt hại sức khỏe 9.889.212 đồng và phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại 15.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Thị L xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Các người làm chứng ông Trương Văn Đ có đơn xin vắng mặt, bà Huỳnh Thị Gia M, ông Hồ Chí T và ông Trương Văn C vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của các người làm chứng không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận thương tích số 18/2017/CN ngày 27/11/2017 của Bệnh viện đa khoa huyện Thạnh Trị (bút lục 148), xác định ông Nguyễn

Văn Út C có tình trạng thương tích lúc vào viện gồm: Vết thương tại vùng trán – thái dương trái dài 02cm bờ nham nhỡ, phù nề và vết thương đoạn 2/3 trên sống mũi dài 02cm bờ nham nhỡ chảy máu.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 219/TgT-PY ngày 11/12/2017 của Trung Tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng xác định: Người bị hại Nguyễn Văn Út C bị thương tích sẹo vùng trán trái, kích thước 02cm x 0,2cm; sẹo ngang sống mũi kích thước 02cm x 0,2cm, các sẹo gây ảnh hưởng thẩm mỹ vùng mặt. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế hiện tại là: 13% (Mười ba phần trăm). Tổn thương do vật có cạnh sắc gây nên, không gây ảnh hưởng chức năng và tổn thương gây ảnh hưởng thẩm mỹ vùng mặt.

Bị hại khai thương tích trên là do một mình bị cáo đã gây ra cho bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng T, bà Trương Thị M và những người làm chứng xác định vết thương của bị hại đều do bị cáo L gây ra.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 04/11/2017 tại Lò gạch Vĩnh Thạnh Phát thuộc ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, trong lúc cự cãi và xô xát giữa chồng bị cáo ông T và bị hại ông C, bị cáo do bị hại đánh trúng vào môi, nên bị cáo L đã có hành vi dùng tay phải cầm viên gạch thẻ (kích thước 18cm x 08cm x 04cm) đánh vào vùng mặt bị hại, hậu quả gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13% và để lại sẹo gây ảnh hưởng thẩm mỹ đến vùng mặt của bị hại.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi xâm hại sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn nhau từ trước, nhưng trong lúc can ngăn xô xát giữa bị hại với ông T (chồng bị cáo), bị cáo đã có hành vi dùng viên gạch đánh bị hại gây thương tích, đây là lỗi cố ý trực tiếp. Việc bị cáo dùng gạch làm hung khí, theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP TATC ngày 12/5/2006 và tiểu mục 2.1, 2.2 mục 2 Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP TATC ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì “gạch” được xem là hung khí nguy hiểm và với tỷ lệ thương tích là 13% thì hành vi của

bị cáo thuộc trường hợp định khung tăng nặng, nên có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc xem xét nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 sửa đổi, bổ sung 2017 thì Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 15/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm, mới đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân sống biết tuân thủ pháp luật.

[2.3] Mặc dù hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nhưng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; cha ruột Lê Văn N là thương binh, ông ngoại Nguyễn Văn H liệt sỹ, một phần có lỗi của người bị hại. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46, căn cứ theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009, Hội đồng xét xử có căn cứ quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, quyết định này đảm bảo được sự nghiêm khắc đối với bị cáo nhưng cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Các khoản chi phí điều trị, tiền công lao động, tiền bồi dưỡng sức khỏe là 9.889.212 đồng, bị hại yêu cầu bồi thường và bị cáo đồng ý Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 9.889.212 đồng, số tiền trên bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì đang quản lý. Đối với yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải bù đắp tổn thất tinh thần bằng tiền 15.000.000 đồng, xét yêu cầu của bị hại là cao Hội đồng xét xử căn cứ tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho

bị hại 10.000.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật, tổng các khoản bị cáo bồi thường cho bị hại 19.889.212 đồng.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng mà cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 mảnh vỡ viên gạch thẻ màu đỏ nâu, kích thước 9,5 x 08 x 04cm và 01 mảnh vỡ viên gạch thẻ màu đỏ nâu, kích thước 09 x 08 x 04cm, do không còn giá trị sử dụng, căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố tịch thu tiêu hủy.

[2.6] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo L phải chịu 5% trên số tiền bồi thường (19.889.212 đồng x 5% = 994.460 đồng) theo quy định pháp luật.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, cũng như về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự có căn cứ đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị L (Bé N) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 33, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Lê Thị L (Bé N) 06 tháng tù (sáu tháng tù), thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Thị L có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại C các khoản chi phí thiệt hại sức khỏe 9.889.212 đồng, số tiền trên bị cáo nộp theo biên lai thu tiền ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tiếp tục quản lý số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo L bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại 10.000.000 đồng.

Tổng các khoản bị cáo Lê Thị L bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn Út C 19.889.212 đồng (mười chín triệu tám trăm tám mươi chín nghìn hai trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với

người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên bố tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 mảnh vỡ viên gạch thẻ màu đỏ nâu, kích thước 9,5 x 08 x 04cm và 01 mảnh vỡ viên gạch thẻ màu đỏ nâu, kích thước 09 x 08 x 04cm.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 994.460 đồng (chín trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm sáu chục đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Công an huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Bị cáo, bị hại, Người CQL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nam

